

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KDX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KDX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KDX PHARMAR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KDX PHARMAR.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108257667

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 40, ngõ 219, tổ 3, phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ ăn sẵn cho vật nuôi kiểng, bao gồm chó, mèo, chim, cá,<br>- Sản xuất đồ ăn sẵn cho động vật trang trại, bao gồm thức ăn cô đặc và thức ăn bổ sung ;<br>- Chuẩn bị thức ăn nguyên chất cho gia súc nông trại.                                                                                                                                                                                                                                                  | 1080     |
| 2.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1623     |
| 3.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.:<br>+ Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>+ Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,... | 4663     |
| 5.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4711     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4721     |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4722     |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác : Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Bao gồm: Hoạt động của các đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới. | 4530 |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 11. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 12. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                  | 4649 |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4781 |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4789 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 20. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh Lữ hành nội địa,<br>+ Kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7912 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất, Kinh doanh thực phẩm chức năng;                                   | 1079(Chính) |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>+ Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>+ Vận tải hành khách bằng xe buýt;<br>+ Vận tải hành khách bằng taxi;<br>+ Vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>+ Vận tải khách du lịch bằng ô tô;<br>+ Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô ; | 4932        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TÔNG THÀNH KIẾT  | Số 101, tổ 14, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 6.000      | 600.000.000           | 30,000    | 013344373                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số           | 6.000      | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ ÁNH NGUYỆT    | Số 101, tổ 14, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 4.000      | 400.000.000           | 20,000    | 012274770                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số           | 4.000      | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN TUYẾN | Số 40, ngõ 219, tổ 3, phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 1.000.000.000         | 50,000    | 0010800055<br>48                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số           | 10.000     | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001080005548

Ngày cấp: 16/03/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQLVề Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 40, ngõ 219, tổ 3, phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 40, ngõ 219, tổ 3, phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội